

**QUYẾT ĐỊNH**

**Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật công  
trình Hệ thống chiếu sáng Đường Phú Xuân – Núi Tượng:  
Km0+900 – Km15+700 tại huyện Tân Phú**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà  
thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của  
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 773/BC-SKHĐT  
ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo  
cáo kinh tế kỹ thuật công trình Hệ thống chiếu sáng Đường Phú Xuân – Núi  
Tượng: Km0+900 – Km15+700 tại huyện Tân Phú.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật công  
trình Hệ thống chiếu sáng Đường Phú Xuân – Núi Tượng: Km0+900 –  
Km15+700 tại huyện Tân Phú, với nội dung chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm.

**Điều 2.** Ban An toàn giao thông tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà  
thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định  
và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu  
phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thất  
mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn  
phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban An toàn giao  
thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**Nguyễn Quốc Hùng**

## PHỤ LỤC I KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

| S<br>T<br>T | Tên gói thầu                                                                                                                                                                                                                        | Giá gói thầu<br>(đồng)                                                                                                                                                                   | Nguồn vốn                                   | Hình<br>thức lựa<br>chọn<br>nhà thầu  | Phương<br>thức lựa<br>chọn<br>nhà thầu | Thời gian<br>bắt đầu<br>tổ chức<br>lựa chọn<br>nhà thầu | Loại<br>hợp<br>đồng | Thời gian thực<br>hiện hợp đồng                                                |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Hệ thống chiếu sáng Đường Phú Xuân - Núi Trạng: Km0+900 - Km15+700 tại huyện Tân Phú; nội dung công việc theo Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh và phụ lục II đính kèm | 11.285.384.000<br>(Mười một tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn). Trong đó, chi phí xây dựng: 10.806.288.748 đồng, chi phí thiết bị: 479.095.884 đồng. | Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp giao thông) | Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng | Một giai đoạn một túi hồ sơ            | Quý IV năm 2020                                         | Trọn gói            | Tối đa 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.                                         |
| 2           | Gói thầu số 02 (tư vấn): Lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT) gói thầu số 01.                                                                                                                             | 22.570.000<br>(Hai mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).                                                                                                                   | Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp giao thông) | Chỉ định thầu rút gọn                 |                                        | Quý IV năm 2020                                         | Trọn gói            | Tối đa 20 ngày đối với mỗi loại công việc                                      |
| 3           | Gói thầu số 03 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01.                                                                                                                                    | 11.285.000<br>(Mười một triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).                                                                                                                   | Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp giao thông) | Chỉ định thầu rút gọn                 |                                        | Quý IV năm 2020                                         | Trọn gói            | Tối đa 15 ngày thẩm định E-HSMT và 10 ngày thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu |

|                                  |                                                                                                               |                                                                                                           |                                             |                       |  |                 |          |                                        |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|--|-----------------|----------|----------------------------------------|
| 4                                | Gói thầu số 04 (tư vấn): Giám sát thi công và lắp đặt thiết bị gói thầu số 01.                                | 280.257.000<br>(Hai trăm tám mươi triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn).                          | Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp giao thông) | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý IV năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. |
| 5                                | Gói thầu số 05 (phi tư vấn): Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng gói thầu số 01. | 19.185.000<br>(Mười chín triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).                                   | Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp giao thông) | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý IV năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. |
| <b>Tổng giá trị các gói thầu</b> |                                                                                                               | <b>11.618.681.000 đồng (Mười một tỷ, sáu trăm mười tám triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn đồng chẵn).</b> |                                             |                       |  |                 |          |                                        |

**PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
 (Kèm theo Quyết định số                      /QĐ-UBND ngày                      /2020 của Chủ tịch  
 UBND tỉnh Đồng Nai).

*Đơn vị tính: Đồng*

| <b>Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Hệ thống chiếu sáng Đường Phú Xuân<br/>- Núi Tượng: Km0+900 - Km15+700 tại huyện Tân Phú.</b> |                                          |                     |                |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|----------------|-----------------------|
| <b>ST<br/>T</b>                                                                                                                         | <b>Nội dung chi phí</b>                  | <b>Số<br/>lượng</b> | <b>Kí hiệu</b> | <b>Thành tiền</b>     |
| <b>A</b>                                                                                                                                | <b>Chi phí xây dựng</b>                  |                     |                | <b>10.806.288.748</b> |
| <b>B</b>                                                                                                                                | <b>Chi phí thiết bị</b>                  |                     |                | <b>479.095.884</b>    |
| 1                                                                                                                                       | MBA 1 pha 12,7/0,22 -0,44KV - 15KVA      | 9                   | Máy            | 361.382.005           |
| 2                                                                                                                                       | FCO 27KV - 100A + dây chảy 3K            | 9                   | Bộ             | 41.980.288            |
| 3                                                                                                                                       | Chống sét van LA - 18KV - 10KA           | 9                   | Cái            | 41.269.559            |
| 4                                                                                                                                       | MCCB - 3P - 400V - 63A - 25KA            | 9                   | Cái            | 26.945.920            |
| 5                                                                                                                                       | Điện kế trực tiếp 1P-2dây 220V- (10-40)A | 18                  | Cái            | 7.518.112             |
|                                                                                                                                         | <b>Tổng cộng: A+B</b>                    |                     |                | <b>11.285.384.000</b> |